TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM-PT
Ngày 25-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tàu trần

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Văn Thiệm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng*:** Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng thuê tàu trần.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận O, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A; địa chỉ: Tòa nhà T, số 54A N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Vũ Thị Thu H; cư trú tại: Số 9 ngách 82/6 NT, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt

Bà Đỗ Thị Thanh Nhàn; cư trú tại: Tổ 21, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt

(Cùng được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 5229/2018/UQ-TGĐ14 ngày 20 tháng 12 năm 2018)

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; địa chỉ: Tầng 5, số 23 M, phường H, quận O, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đoàn Anh T (Giám đốc Công ty); cư trú tại: Số 23/205 L, quận Q, thành phố Hải Phòng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Hà Thị Thu H; cư trú tại: Số nhà 11, ngách 253/4 K, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt

Bà Nguyễn Thị Vân O; cư trú tại: Số 32/32 T1, quận O, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

(Cùng được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 0103/UQ-GĐ.2020 ngày 02 tháng 3 năm 2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty Cổ phần C; địa chỉ: Phòng 2, tầng 11, Tòa nhà P, Số 561A Đ, phường Y, B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2019, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A (*Sau đây viết tắt là Ngân hàng*) là chủ sở hữu tàu biển "Hải Phương Glory". Ngày 31/8/2015, Ngân hàng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (*Sau đây viết tắt là Công ty B*) có ký Hợp đồng thuê tàu trần số: 01/2015/MSB-SNX với thời hạn thuê tàu là 24 tháng. Sau khi hết hạn Hợp đồng trên hai bên ký tiếp Hợp đồng thuê tàu trần số: HAIPHUONG GLORY/2017/MSB-SNX ngày 31/8/2017; với nội dung: Ngân hàng cho Công ty B thuê tàu biển "Hải Phương Glory" với các thông số kỹ thuật được ghi trong hợp đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (Từ ngày 31/8/2017 đến ngày 31/8/2018), giá thuê là 365 triệu đồng/tháng, thanh toán tiền thuê tàu hàng tháng, Công ty B đặt cọc 730 triệu đồng, hoàn trả tàu khi Hợp Đồng chấm dứt, Bên thuê phải thông báo cho Bên cho thuê về thời gian và địa điểm hoàn trả tàu trước ít nhất 15 ngày. Về phạt chậm thanh toán; Bên cho thuê tàu có quyền tính lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm chậm thanh toán trên thời gian thực tế chậm thanh toán. Về phạt do chậm bàn giao tàu: Bên thuê tàu phải trả tiền thuê cho những ngày chậm hoàn trả tàu, Bên thuê tàu còn phải thanh toán cho Bên cho thuê tàu một khoản tiền phạt bằng 150% giá tiền thuê tàu cho mỗi ngày chậm hoàn trả tàu. Ngoài ra, Hợp đồng còn quy định về bồi thường thiệt hại và một số điều khoản khác.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã bàn giao tàu và hồ sơ pháp lý của Tàu

cho Công ty B. Nhưng B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ tiền thuê tàu. Khi hết thời hạn thuê Công ty B không thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

Ngày 24/9/2018, Công ty C (là đơn vị đại diện của Ngân hàng) đã gửi đến Công ty B văn bản số 59/2018/TGĐ/TB để thông báo thời hạn Hợp đồng và hoàn trả tàu. Tuy nhiên, Công ty B cố tình trì hoãn việc bàn giao tàu bằng cách đưa ra các yêu cầu bất hợp lý, gây khó khăn cho việc bàn giao tàu.

Ngày 25/10/2018, Ngân hàng và Công ty C có nhận được thông báo số 13 ngày 25/10/2018 của Công ty B về việc Công ty B sẽ bàn giao tàu vào ngày 26/10/2018 tại cảng Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Ngay sau khi nhận được thông báo số 13, Ngân hàng và Công ty C đã có công văn phúc đáp gửi mail cho ông T – Giám đốc Công ty B đề nghị B sẽ bàn giao giao tàu tại cảng Cẩm Phả, Quảng Ninh vào ngày 27/10/2018. Nhưng Công ty B không phản hồi lại. Ngày 29/10/2018, Công ty C gửi Công ty B Công văn số 76/2018/CV/TGĐ về việc bàn giao tàu nhưng cũng không nhận được phúc đáp. Công ty B vẫn ngang nhiên khai thác tàu tuyến Ấn Độ đi Maldives bất chấp sự phản đối của nguyên đơn.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải thanh toán các khoản tiền sau:

- Tiền thuê tàu chưa thanh toán là 7.433.833.332đ, trừ đi số tiền 730 triệu đồng Công ty B đã đặt cọc nên Công ty B phải thanh toán là 6.703.833.332đ.

- Tiền lãi do chậm thanh toán tiền thuê tàu là 1.227.546.000đ.

- Tiền phạt do chậm bàn giao tàu 267 ngày (Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 25/5/2019) là 365.000.000đ/30 ngày) x 267 ngày x 8% = 259.880.000đ.

Tổng số tiền yêu cầu tạm tính đến ngày 14/11/2019 là 8.191.259.332đ.

Ngoài ra, B tiếp tục phải chịu tiền lãi của số tiền nêu trên cho đến khi thanh toán hết cho MSB.

Đối với yêu cầu trả tàu, Ngân hàng rút yêu cầu vì ngày 26/5/2019 Công ty B đã trả tàu cho Ngân hàng.

* *Theo các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của bị đơn trình bày*: Công ty B xác nhận có ký kết hợp đồng thuê tàu trần với Ngân hàng ngày 31/8/2017 như Ngân hàng trình bày là đúng. Trước khi giao tàu cho Công ty B, Ngân hàng cho tàu lên đà sửa chữa, Ngân hàng tự ký Hợp đồng nhưng yêu cầu B phải tự bỏ tiền thanh toán một số hạng mục. Công ty B đã có văn bản gửi Ngân hàng yêu cầu giảm trừ khoản này vào tiền thuê tàu.

Trong quá trình vận hành khai thác tàu, Công ty B phát hiện tàu không đảm bảo khả năng đi biển nên đã tự sửa chữa. Tuy nhiên, tàu vẫn không đảm bảo dẫn đến tiêu hao nhiên liệu lớn hơn, thời gian hành trình, bốc dỡ hàng dài hơn làm cho Công ty B phải trả thêm chi phí nhiên liệu, ngày tàu dài hơn dự kiến nên khoản này

cũng phải giảm trừ vào tiền thuê tàu.

Công ty B đồng ý trả tiền thuê tàu kể từ ngày bàn giao tàu đến hết ngày 25/10/2018 là ngày Công ty B có văn bản gửi tới Ngân hàng và Công ty C về việc đề nghị tiến hành kiểm kê, đánh giá hiện trạng trang thiết bị vật tư, nhiên liệu và hiện trạng tàu, thanh lý hợp đồng, giao tàu tại cảng Cẩm Phả vào ngày 26/10/2018. Do không bàn giao được tàu nên Công ty B buộc đưa tàu vào khai thác chở hàng chạy các nước Đông Nam Á để giảm bớt thiệt hại ngày tàu không khác thác. Ngày 26/5/2019, Công ty B mới bàn giao tàu được là do lỗi của Ngân hàng và Công ty C. Công ty B yêu cầu Ngân hàng đối trừ tiền đặt cọc 730 triệu đồng, tiền sửa chữa tàu sau khi lên đà, tiền thiệt hại kinh doanh, tiền sự cố và các chi phí khác là 8.941.679.655đ vào tiền thuê tàu.

Công ty B không chấp nhận yêu cầu tính trả lãi chậm trả vì Ngân hàng không xuất hóa đơn cho Công ty B nên Công ty B không có căn cứ để thanh toán.

Công ty B không chấp nhận yêu cầu phạt chậm bàn giao tàu vì Công ty B đã có văn bản đồng ý giao trả tàu từ 25/10/2018 nhưng Ngân hàng và Công ty C không nhận bàn giao. Mặt khác, Điều 301, Luật Thương mại quy định: "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này*". Nhưng trong Hợp đồng thuê tàu quy định mức phạt tại điểm b, khoản 1, Điều 21 bằng 150% giá trị tiền thuê tàu là thỏa thuận vô hiệu do trái quy định của Pháp luật, không có căn cứ để tính tiền phạt.

** Tại văn bản ngày 26/8/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty C trình bày*: Công ty C được ủy quyền thay mặt Ngân hàng quản lý toàn diện đối với đội tàu thuộc sở hữu của Ngân hàng đang cho thuê trong đó có Tàu Hải Phương. Công ty C có quyền thực hiện việc đàm phán, ký kết và quyết định các vấn đề liên quan đến hợp đồng cho thuê tàu, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng để nhận bàn giao tàu từ B.

Do vi phạm trong việc thanh toán tiền thuê tàu nên ngày 24/9/2018 Công ty C đã gửi đến Công ty B văn bản số 59/2018/TGĐ/TB về việc thông báo thời hạn Hợp đồng và yêu cầu hoàn trả tàu. Theo đó Công ty C yêu cầu B bàn giao tàu vào ngày 10/10/2018 tại khu vực cảng Hải Phòng. Tuy nhiên, Công ty B cố tình trì hoãn việc bàn giao tàu bằng cách đưa ra các yêu cầu bất hợp lý, gây khó khăn tới mức không thể thực hiện được việc bàn giao tàu. Ngày 29/10/2018, Công ty C gửi Công văn số 76/2018/CV/TGĐ về việc bàn giao Tàu Hải Phương tới Công ty B nhưng Công ty B không phúc đáp. Ngày 26/5/2019, khi hết thời hạn đăng kiểm và phải nhờ đến cơ quan bảo vệ pháp luật thì Công ty B mới bàn giao lại Tàu Hải Phương cho Công ty C.

Theo Công ty C, việc Ngân hàng khởi kiện Công ty B để yêu cầu thực hiện

nghĩa vụ là hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do điều kiện ở xa nên Công ty C có văn bản đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc và các phiên toà xét xử vụ án.

** Tại Bán án sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 14/11/2019 của TAND quận O, quyết định*: Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 của BLTTDS; Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 282, 351, 356, 357, 360, 398, 468, 472, 481 và 482 của BLDS; Điều 300, 301, Điều 302, Điều 303 và Điều 306 của Luật Thương mại; điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Buộc Công ty B phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/11/2019 là: 8.191.259.332 đồng (…); trong đó: Tiền thuê tàu chưa thanh toán là: 6.703.833.332 đồng (…); tiền lãi do chậm thanh toán tiền thuê tàu: 1.227.546.000 đồng (…); tiền phạt do chậm bàn giao tàu 259.880.000 đồng (…).

Đối với khoản tiền nêu trên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải trả lại tàu HAI PHUONG GLORY cho Ngân hàng A.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Sau khi xét xử sơ thẩm*: Ngày 28/11/2019, bị đơn Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án. Với lý do: Trình tự thủ tục, thẩm quyền và nội dung của bản án không đúng nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện của bị đơn trình bày: Theo tài liệu Ngân hàng cung cấp thể hiện Ngân hàng không có chức năng, hoạt động cho thuê tàu biển nên Hợp đồng ký với Công ty B vô hiệu do vi phạm điều cấm. Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền thuê tàu ngoài thời hạn thuê tàu là không có căn cứ. Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả tàu là không có cơ sở vì thỏa thuận vượt quá mức cho phép của

pháp luật. Đề nghị Ngân hàng đối trừ các khoản tiền sửa chữa, lên đà và thiệt hại kinh doanh của Công ty B.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc tàu biển Ngân hàng cho Công ty B thuê là từ việc Ngân hàng nhận tài sản thế chấp để thay thế cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Khang Thịnh. Sau đó Ngân hàng đứng tên chủ sở hữu. Ngân hàng cho Công ty B thuê tàu bản chất là giải pháp xử lý tín dụng trong thời gian chờ bán con tàu này để xử lý nợ. Hoạt động này không phải là hoạt động kinh doanh của Ngân hàng nên không ghi nhận trong giấy phép hoạt động. Ngân hàng cho Công ty B thuê tàu là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/3/2014 (Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Điều 13 của Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bị đơn phải trả số tiền thuê tàu từ khi ký hợp đồng đến ngày trả tàu là đúng với thỏa thuận của các bên tại điểm b Điều 21 của Hợp đồng. Theo Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc phạt do chậm bàn giao tàu là 150% giá tiền thuê tàu cho mỗi ngày chậm hoàn trả tàu nhưng Ngân hàng chỉ yêu cầu mức phạt 08% giá tiền thuê tàu cho mỗi ngày chậm hoàn trả tàu và phù hợp với Điều 301 Luật Thương mại.

Công ty B cố tình không hoàn trả tàu theo thỏa thuận tại Hợp đồng các bên đã ký.

Bị đơn yêu cầu Ngân hàng phải đối trừ các khoản tiền sửa chữa, chi phí lên đà và thiệt hại kinh doanh nhưng tại cấp sơ thẩm Ngân hàng đã yêu cầu bị đơn đưa ra con số cụ thể và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng bị đơn không cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không thuộc phạm vi của Tòa án cấp phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm do những nội dung kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:

[1]. Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo khoản 3 Điều 26 của Hợp đồng HAIPHUONG GLORY/2017/MSB-SNX ngày 31/8/2017 thể hiện: " *Mọi tranh chấp phát sinh từ và liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết trên tinh*

thần thương lượng…Nếu không thể thương lượng…thì một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội giải quyết,…". Như vậy, các bên có thỏa thuận về việc Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội giải quyết tranh chấp. Nhưng các bên không xác định rõ Tòa án nào của thành phố Hà Nội có thẩm quyền giải quyết nên việc thỏa thuận này không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Mặt khác, theo thỏa thuận thì một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết mà không phải là nghĩa vụ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ địa chỉ trụ sở của bị đơn tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng để thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng thuê tàu trần. Nguyên đơn, bị đơn cùng là pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 30 BLTTDS, xác định quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại là đúng.

[3]. Xét sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty C vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4]. Xét tư các tham gia tố tụng của những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Theo đại diện của bị đơn thì hiện tại người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng đã thay đổi nên những người tham gia phiên tòa không hợp pháp. Hội đồng xét thấy theo Giấy ủy quyền số 4749/2018/UQ-TGĐ14 ngày 28/11/2018 thể hiện ông Huỳnh Bửu Q ủy quyền cho ông Nguyễn Phi Hvới tư cách là đại diện theo pháp luật của ngân hàng và ngân hàng vẫn hoạt động nên Ngân hàng có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì nội dung văn bản ủy quyền cũng không chấm dứt hiệu lực theo điểm đ khoản 3 Điều 140 BLDS.

- *Về nội dung*:

[5]. Xét Hợp đồng thuê tàu trần số HAIPHUONG GLORY/2017/MSB-SNX ngày 31/8/2017: Nguyên đơn và bị đơn đều là pháp nhân. Chủ thể ký kết Hợp đồng do người đại diện hợp pháp của các bên trên tinh thần tự nguyện. Nguyên đơn đã thực hiện hợp đồng bằng việc đã bàn giao tàu "Hải Phương Glory" cho bị đơn khai thác. Bị đơn đã đặt cọc 730 triệu đồng để bảo đảm nghĩa vụ cho nguyên đơn.

[5.1]. Bị đơn cho rằng nguyên đơn Ngân hàng Hàng hải không có chức năng cho thuê tàu mà chỉ được phép hoạt động theo giấy phép Ngân hàng Nhà nước cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và Điều 29 Luật các Tổ chức tín dụng. Xét thấy;

Theo khoản khoản 1 Điều 90 Luật các TCTD năm 2010 quy định về phạm vi hoạt động được phép của TCTD: " *Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể phạm vi,*

loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng."

Theo khoản 3 Điều 2 Quyết định số 68/NH-QĐ, ngày 08/6/1991 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng Hàng hải quy định: " *…và các dịch vụ khác khi được ngân hàng Nhà nước cho phép*."

Theo Điều 12 của Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định về chế độ tài chính đối với Tổ chức Tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định: "*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn."* và theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3879VT và Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu số 2823/ĐKTB-2015.HP do Cơ quan Đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 10/9/2015 thể hiện Ngân hàng là chủ sở hữu của tàu biển "Hải Phương Glory".

Theo Điều 215 Bộ luật Hàng hải quy định: "*Hợp đồng thuê tàu là hợp đồng được giao kết giữa chủ tàu và người thuê tàu, theo đó chủ tàu giao quyền sử dụng tàu biển của mình cho người thuê tàu trong một thời hạn nhất định với mục đích cụ thể được thỏa thuận trong hợp đồng và nhận tiền thuê tàu do người thuê tàu trả*.".

Theo khoản 1 Điều 216 quy định: "*Hợp đồng thuê tàu được giao kết theo hình thức hợp đồng thuê tàu định hạn hoặc hợp đồng thuê tàu trần."*

Theo khoản 1 Điều 229 quy định: "*Hợp đồng thuê tàu trần là hợp đồng thuê tàu, theo đó chủ tàu cung cấp cho người thuê tàu một tàu cụ thể không bao gồm thuyền bộ."*

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở khẳng định Hợp đồng số HAIPHUONG GLORY/2017/MSB-SNX ngày 31/8/2017 được ký giữa Ngân hàng Hàng hải và Công ty Sơn Nguyên Xanh có hiệu lực pháp luật.

[6]. Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên: Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã giao tàu cho bị đơn quản lý, sử dụng là đúng với sự thỏa thuận và đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn nhận tàu và đưa vào khai thác nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tàu là vi phạm thỏa thuận tại khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng; Điều 233 Bộ luật Hàng hải; Điều 481 Bộ luật Dân sự. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền chưa thanh toán là đúng.

[7]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền thuê tàu: Theo Điều 2 của Hợp đồng thì thời hạn thuê tàu là 12 tháng (Từ ngày 31/8/2017 đến ngày 31/8/2018); theo Điều 4 giá thuê tàu mỗi tháng là 365 triệu đồng. Ngày 26/5/2019, Công ty B trả tàu. Theo điểm b khoản 1 Điều 21 của Hợp đồng các bên thỏa thuận:

" *Trường hợp Bên thuê tàu chậm hoàn trả tàu cho Bên cho thuê tàu…thì ngoài việc Bên thuê tàu phải trả tiền thuê tàu cho những ngày chậm hoàn trả tàu*,…". Do vậy, ngoài số tiền thuê tàu 12 tháng thì Công ty B còn phải trả số tiền thuê tàu cho đến ngày hoàn trả lại tàu (ngày 26/5/2019) cho nguyên đơn là đúng. Tính đến ngày 26/5/2019, Công ty B còn phải trả cho Ngân hàng số tiền thuê tàu là 7.433.833.332đ. Công ty B đặt cọc 730 triệu đồng nên được trừ vào số tiền thuê tàu và Công ty B còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 6.703.833.332đ.

[7.1]. Công ty B cho rằng chỉ chấp nhận trả số tiền thuê tàu tính từ ngày giao tàu cho đến ngày 25/10/2018 là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo thỏa thuận tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng quy định: "…*Bên thuê tàu phải thông báo bằng văn bản cho Bên cho thuê tàu về thời gian và địa điểm hoàn trả tàu trước ít nhất 15 ngày trước ngày phải hoàn trả tàu*…". Ngày 25/10/2018, Công ty B ra văn bản thông báo tới nguyên đơn về việc hoàn trả tàu vào ngày 26/10/2018 là không đúng với sự thỏa thuận của các bên và ngày này hai bên cũng chưa giao nhận tàu cho nhau.

[8]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu: Theo điểm a khoản 1 Điều 21 của Hợp đồng quy định: " *Nếu Bên thuê tàu chậm thanh toán đối với bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào…Bên cho thuê tàu có quyền tính lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm chậm thanh toán*…" Nguyên đơn lấy mức lãi suất cơ bản 09%/năm theo Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước để áp dụng cho việc tính lãi chậm thanh toán của Công ty B là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, số tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 13,5%/năm của số tiền chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.227.546.000đ là có căn cứ.

[9]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền phạt chậm bàn giao tàu: Theo điểm b khoản 1 Điều 21 của Hợp đồng quy định: " *Trường hợp Bên thuê tàu chậm hoàn trả tàu cho Bên cho thuê tàu…Bên thuê tàu còn phải thanh toán cho Bên cho thuê tàu một khoản tiền phạt bằng 150% giá tiền thuê tàu cho mỗi ngày chậm hoàn trả tàu*." Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức phạt là 8% trên số tiền thuê tàu cho 267 ngày chậm trả tàu (Từ ngày 31/8/2018 đến ngày 26/5/2019). Xét thấy; việc yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 300 và 301 Luật Thương mại nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Cụ thể số tiền phạt là 365 triệu đồng/30 ngày x 8% x 267 = 259.880.000đ.

[10]. Bị đơn cho rằng tàu "Hải Phương Glory" không đảm bảo chất lượng nên đã gây ra nhiều thiệt hại và đề nghị Ngân hàng phải trừ số tiền sửa chữa, thiệt hại kinh doanh và các chi phí khác vào số tiền thuê tàu. Xét thấy; theo Điều 7 của

Hợp đồng quy định về việc khi giao nhận tàu các bên sẽ chỉ định đơn vị giám định để cùng nhau xác định và thống nhất về điều kiện, tình trạng của tàu khi giao tàu cũng như hoàn trả tàu. Nhưng khi nhận tàu bị đơn không yêu cầu đơn vị giám định chất lượng tàu mà chỉ khi khai thác sử dụng mới có phản ánh các sự cố hỏng hóc cần sửa chữa tới Ngân hàng. Hơn nữa, tại cấp sơ thẩm Tòa án không xem xét giải quyết các yêu cầu này của bị đơn nên Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có thẩm quyền xem xét. Trường hợp bị đơn có yêu cầu thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác. Như vậy, những nội dung kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11]. Án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo Công ty B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 282, 351, 356, 357, 360, 398, 468, 472, 481 và 482 của Bộ luật Dân sự; Điều 300, 301, Điều 302, Điều 303 và Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 90 Luật các TCTD; Điều 215, 216 và Điều 299 Bộ luật Hàng hải; Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định về chế độ tài chính đối với Tổ chức Tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận O, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/11/2019 là: 8.191.259.332 đồng (*Tám tỷ một trăm chín mươi mốt triệu hai trăm năm mươi chín ngàn ba trăm ba mươi hai đồng*); trong đó: Tiền thuê tàu chưa thanh toán là: 6.703.833.332 đồng (*Sáu tỷ bảy trăm linh ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai đồng*); tiền lãi do chậm thanh toán tiền thuê tàu: 1.227.546.000 đồng (*Một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*); tiền phạt do chậm bàn giao tàu 259.880.000 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng*).

Đối với khoản tiền nêu trên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm

14/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B phải trả lại tàu HAI PHUONG GLORY cho Ngân hàng A.

3. Về án phí:

3. 1. Về án phí sơ thẩm:

Trả lại Ngân hàng A số tiền 57.447.000đ (*Năm mươi bẩy triệu bốn trăm bốn mươi bẩy nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008157, ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O, thành phố Hải Phòng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 116.191.000đ (*Một trăm mười sáu triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn đồng*).

3. 2. Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0008498, ngày 12/12/2019 Chi cục Thi hành án dân sự quận O, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận O;
- Chi cục THADS quận O;
- Các đương sự(để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương